

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỚ

QUYỂN 40

Trong môn thứ hai: Thân nhiếp đưa về một tâm. Nhưng một môn này lại hàm chứa nhiều ý, tạm thời phân hai môn riêng biệt: Một- Môn suy xét ngọn quy về gốc; Hai- Từ “Như Lai ư thử...” trở xuống là môn gốc-ngọn nương tựa duy trì.

Một- Môn suy xét ngọn quy về gốc. Dựa vào ba Quán của Luận:

Một là dựa theo quán sát về tướng của ĐẾ, tức là quán sát thứ hai thuộc về Đệ nhất nghĩa ĐẾ.

Luận về sinh khởi rằng: Vì sao Đệ nhất nghĩa sai biệt như vậy? Bởi vì pháp quán ấy chứng được Đệ nhất nghĩa, thì đạt được giải thoát. Đây là trình bày về nguyên cơ tu quán, bởi vì Đệ nhất nghĩa là tánh của duyên sinh, nếu thấy tánh của duyên thì thoát khỏi ràng buộc của duyên, cho nên tu pháp quán ấy.

Nhưng Luận về Kinh tuy nói: Đều là tác ý của một tâm, chọn lấy một tâm chủ động dấy lên, cho nên nói là quán sát về Đệ nhất nghĩa.

Luận nói: Chỉ là một tâm, bởi vì tất cả ba cõi chỉ do tâm chuyển biến. Câu này là tổng quát về chuyển, là nghĩa của khởi tác, cũng là nghĩa của chuyển biến.

Nhưng một văn này, các giáo cùng dẫn chứng thành tựu chỉ do tâm. Vì sao một tâm mà làm ra ba cõi? Tóm lược có ba nghĩa: 1- Người hàng Nhị thừa, nói là có cảnh trước mắt, không hiểu rõ chỉ do tâm, cho dù nghe đến một tâm, nhưng nói là một của Chân đế, hoặc nói là do tâm chuyển biến, không phải đều là tâm. 2- Dị thực của A-lại-da gọi là một tâm, bởi vì chọn bỏ không có cảnh bên ngoài, cho nên nói là một tâm. 3- Một tâm thanh tịnh thuộc tánh của Như Lai Tạng, bởi vì Lý không có hai Thể, cho nên nói là một tâm. Ở đây, một tâm ở nghĩa đầu, Bồ-tát không thực hành về pháp quán này; một tâm ở hai nghĩa sau, ý của Kinh đích thực trình bày bao gồm ba Quán. Dựa theo một tâm thanh tịnh là

Quán thứ nhất, bao gồm hai tâm này là hai Quán sau.

Một tâm ở hai nghĩa sau, tóm lược như phẩm Vấn Minh. Mở rộng có mười: *Một môn đầu* là giả thiết nói về một tâm, nghĩa là thật sự có pháp bên ngoài bởi vì chỉ do tâm biến động; chín môn sau thật sự chỉ là một tâm.

Môn hai- Tướng và Kiến cùng tồn tại cho nên nói là một tâm. Đây là bao gồm tám Thức và các tâm sở, cùng đầy đủ hình ảnh vốn có của tướng phần đã biến đổi, bởi vì lực huân tập của chi Hữu..., mà biến hiện về Báo thuộc Y-Chánh của ba cõi. Như các luận Nhiếp Đại Thừa và Duy Thức... nói rộng ra.

Môn ba- Thân nhiếp Tướng quy về Kiến cho nên nói là một tâm, cũng bao gồm tâm vương-tâm sở, nhưng tướng phần đã biến đổi không có phát sinh chủng tử riêng biệt. Chủ động Kiến sinh ra Thức kèm theo hình ảnh dấy khởi của nó. Như kinh Giải Thâm Mật, luận Duy Thức Nhị Thập, luận Quán Sở Duyên Duyên, nói đầy đủ về nghĩa này.

Môn bốn- Thân nhiếp tâm sở quy về tâm vương cho nên nói là một tâm, chỉ bao gồm tám Thức, bởi vì tâm sở ấy dựa vào tâm vương không có Thể, mà cũng là tâm biến hiện. Như luận Trang Nghiêm nói rộng.

Môn năm- Đem ngọn quy về gốc cho nên nói là một tâm, nghĩa là bảy Chuyển thức đều là công năng sai biệt của Bản thức, bởi vì không có Thể riêng biệt. Kinh Lăng Già nói:

*“Biển Tạng Thức luôn luôn vắng lặng,
Gió cảnh giới làm cho lay động,
Đủ loại sóng nước của các Thức,
Cuồn cuộn tung lên mà chuyển sinh.”*

Lại nói:

*“Ví như sóng nước giữa biển lớn,
Tướng không có số lượng nhất định,
Các Thức tâm khác nhau như vậy,
Cũng không thể nào mà đạt được.”*

Đã nói là lìa xa nước không có sóng riêng biệt, rõ ràng lìa xa Bản thức thì không có bảy Thức trước riêng biệt.

Môn sáu- Thân nhiếp tướng quy về tánh cho nên nói là một tâm, nghĩa là tám Thức này đều không có Tự Thể, chỉ là Như Lai Tạng bình đẳng hiển hiện thì tướng khác đều không còn. Kinh nói: Tất cả chúng sinh tức là tướng Niết-bàn... Kinh Lăng Già nói: “Tướng không hủy hoại có tám, Vô tướng cũng là Vô tướng.” Những văn chứng minh đích xác

như vậy không phải là một.

Môn bảy- Tánh và tướng cùng dung thông cho nên nói là một tâm, nghĩa là Như Lai Tạng, toàn bộ Thể tùy duyên thành tựu các sự việc, mà tự tánh ấy vốn không sinh diệt, tức là Sự-Lý này tự nhiên dung thông vô ngại, bởi vì một tâm, cho nên hai Đế đều không có chướng ngại.

Luận Khởi Tín nói: “Dựa vào pháp của một tâm, có hai loại môn, cho đến không tách lìa với nhau.”

Lại kinh Mật Nghiêm nói: “Phật thuyết về Như Lai Tạng, dùng làm A-lại-da, và dụ như vàng cùng với nhẫn-xuyến...”

Lại kinh Thắng Man nói: “Tự tánh thanh tịnh, tâm không nhiễm mà nhiễm, khó có thể nhận biết rõ ràng; nhiễm mà không nhiễm cũng khó có thể nhận biết rõ ràng.”

Đều là trình bày về tánh thanh tịnh, tùy theo nhiễm mà toàn Thể thành Tục, tức là môn Sinh Diệt; tánh nhiễm thường thanh tịnh, xưa nay Chân thanh tịnh, tức là môn Chân Như. Vậy thì nhiễm ô ngay nơi thanh tịnh, không ngăn ngại Chân mà luôn luôn Tục; thanh tịnh ngay nơi nhiễm ô, không phá bỏ Tục mà luôn luôn Chân. Vì thế cho nên không ngăn ngại một tâm cùng tồn tại hai Đế, suy nghĩ sâu xa thật có ý nghĩa.

Môn tám- Dung thông Sự hòa vào nhau cho nên nói là một tâm, nghĩa là do tâm-tánh viên dung vô ngại, dùng tánh để thành tựu Sự, Sự cũng dung thông trọn vẹn không chướng ngại lẫn nhau. Một hòa vào tất cả, trong một hiểu rõ vô lượng..., trong mỗi một vi trần đều thấy pháp giới, trời-người và Tu-la không lìa xa một vi trần. Văn ấy không phải là một.

Môn chín- Khiến cho Sự ngay trong nhau cho nên nói là một tâm, nghĩa là dựa vào Sự thuộc tánh, Sự không có Sự riêng biệt, tâm-tánh đã không có Sự khác biệt lẫn nhau, cũng tất cả ngay trong một. Văn trên nói: Một tức là nhiều, nhiều tức là một...

Môn mười- Lưỡi giảng của Đế Thích không ngăn ngại cho nên nói là một tâm, nghĩa là trong một có tất cả, trong tất cả ấy lại có tất cả, trùng trùng vô tận, đều bởi vì tâm thức thuộc tánh Như Lai Tạng viên dung vô tận.

Mười môn trên đây, một môn đầu là Tiểu giáo, ba môn tiếp là trải qua Quyền, ba môn tiếp là dựa vào Thật, ba môn sau là dựa theo Bất cộng trong Viên giáo. Nếu hưởng xuống dưới thì giống với các Thừa, bao gồm mười Vô ngại. Đại Tông của một Bộ không chỉ có phẩm này, tùy theo mỗi một môn thành tựu quán sát đều khác nhau, có thể rõ

rang mà cầu.

Hai- Môn gốc-ngọn nương tựa duy trì. Từ đây trở xuống đến hết mười môn, đều là sai biệt của Thế đế. Duyên vào tướng vốn vắng lặng, chỉ cần quán sát về Chân, vì sao lại quán sát về Thế đế sai biệt? Luận nói: Bởi vì tùy thuận quán sát Thế đế, tức là tiến vào Đệ nhất nghĩa, Tục là giải thích về Chân, hiểu rõ Tục là Vô tánh thì mới thấy được Chân mà thôi.

Trung Luận nói: “Nếu không nhận biết về Thế đế, thì không đạt được Đệ nhất nghĩa.” Bởi vì Quán này có sáu: 1- Thế nào là nhiễm? Bởi vì nhiễm nương tựa vào quán sát, tức là cùng phân rõ về chủ động dựa vào-thụ động dựa vào, thâm nhiếp nửa môn này. 2- Quán sát về nhân là quán sát về nhân của nhiễm, thâm nhiếp hai môn tiếp. 3- Quán sát về thâm nhiếp lỗi lầm, bởi vì chỉ là Khổ-Tập. 4- Quán sát về bảo vệ lỗi lầm, bởi vì bảo vệ Tà kiến của phàm phu. 5- Quán sát về không chán ngán và chán ngán, bởi vì đề phòng Mạn của Tiểu thừa. Ba quán trên đây theo thứ tự đều thâm nhiếp một môn. 6- Quán sát về sâu xa, hiển bày Lý tuyệt diệu của nhân duyên, bởi vì vượt qua tình thức chọn lấy, quán này thâm nhiếp ba môn sau.

Trong sáu Quán: Hai loại đầu là kiến lập về tướng nhiễm, một loại tiếp là dựa vào nhiễm quán sát về lỗi lầm, hai loại tiếp là đích thực quán sát đề phòng sai trái, một loại sau là quán sát thực hành đi sâu vào tận cùng.

Nay nửa môn này, tức là nhiễm nương tựa vào quán sát, nhân duyên có phần là nhiễm, mà tướng nhiễm này vốn nương tựa vào một tâm. Luận nói: Đây là hai Đế sai biệt, bởi vì thuần là Chân thì không sinh, chỉ là Vọng thì không thành, một tâm là Chân, tạp nhiễm là Tục, hai loại này hòa hợp có nhân duyên tích tập.

Trong Kinh có ba: Đầu là tổng quát, nghĩa là dựa vào một tâm phân biệt có mười hai, thì mười hai là một tâm đã duy trì. Nhưng chỉ nói là Như Lai thuyết, bởi vì một tâm lập tức đầy đủ, không phải Phật thì không nhận biết, nghĩa là hiển bày Như Lai ở quá khứ đã hiểu rõ về tánh của duyên, cùng nối tiếp nhau khởi lên, lần lượt chuyển tiếp mà thuật lại. Tiếp là đưa ra ý nói: Mười hai chi Hữu lần lượt theo thứ tự ba đời, trước-sau dẫn dắt sinh ra, vì sao nay nói đều dựa vào một tâm? Sau trong giải thích, Luận không có giải thích riêng biệt, xưa nay các Sư chỉ nói: Tâm là xa Bản thức thì tất cả không thành. Nhưng cách giải thích ấy cùng trải qua Sinh-vượt qua thời gian (Kinh sinh diệt thế), điều này tuy không mất đi nghĩa nương tựa duy trì, mà chưa hẳn là đạt được ý

ngĩa. Nay nói Như Lai thuyết (Thuyết chủ) khéo léo chỉ ra không lìa xa Chân tâm chứ không chỉ riêng ba đời, nay một niệm tâm lập tức đầy đủ mười hai Chi, càng hiển bày trước-sau không lìa xa một tâm. Điều này giống như luận Câu Xá quyển thứ 9 trình bày về mười hai nhân duyên trong một sát-na. Vì vậy, trong một môn này hàm chứa nhiều duyên khởi.

Một- Hàm chứa hai loại duyên khởi của Nhiếp Luận. Quyển thứ 2 trong Luận ấy nói: Nếu tóm lược nói về duyên khởi thì có hai: 1- Duyên khởi thuộc về tự tánh phân biệt, nghĩa là các pháp sinh khởi dựa vào Thức A-lại-da; thì nay là một tâm nương tựa duy trì. 2- Duyên khởi thuộc về Ái-Phi ái phân biệt, nghĩa là mười hai duyên khởi, có thể phân biệt về Ái-Phi ái đối với nẻo thiện-nẻo ác, bởi vì đủ loại Tự Thể làm tánh của duyên; thì nối thông với văn giải thích này và chín đoạn trước-sau.

Hai- Hàm chứa bốn loại duyên khởi trong luận Câu Xá quyển thứ 9: Một là Sát-na, hai là ràng buộc với nhau, ba là phần vị, bốn là nối tiếp ra xa. Ba loại sau bao gồm chín môn còn lại. Trong này chính là môn thứ nhất. Luận ấy nói: “Thế nào là sát-na? Nghĩa là trong một sát-na, do Hành của Tham mà giết hại..., có đủ mười hai Chi.” Luận ấy nói mở rộng trên đại thể cùng với phần này giống nhau, cho nên nay không nhất định phải theo thứ tự.

Ý hiển bày về một tâm lập tức đầy đủ, tùy theo sự việc của tham dục cùng sinh ra với tâm, đây là tổng quát chỉ ra sự việc của Hành. Sự việc của tham không phải là một, tùy theo chọn lấy một sự việc, ở trong một niệm là có đủ mười hai Chi, nghĩa là sự việc thuộc Hành của Tham này nhất định phải dựa vào tâm khởi lên, lại bởi vì phân biệt rõ ràng cảnh trước mắt. Tâm tức là chi Thức, sự việc là Hành, sự việc của Tham tức là Hành của Ý nghiệp, nếu biểu hiện ở Thân-Khẩu thì cũng là hai Hành. Không nhận biết lỗi lầm của Tham, có thể dẫn đến Khổ gọi là mê hoặc đối với Hành, cùng với Vô minh và tâm cùng sinh ra là Danh sắc. Danh sắc là tổng quát, làm chỗ dựa cho hai Chi mà gọi là cùng sinh với nhau.

Bản kinh thời Tấn nói: “Nơi nương tựa của Thức vốn là Danh sắc.”

Luận Câu Xá nói: “Thức cùng với ba Uẩn tổng quát gọi là Danh sắc.” Ý trình bày bởi vì Thọ uẩn tất nhiên là chi Thọ, Danh sắc tăng trưởng là sáu Xứ, không sinh ra năm Thức chỉ gọi là mười Giới, năm Thức dựa vào sinh mới gọi là mười Xứ, Thức dựa vào tướng hiển bày

tức là tăng trưởng. Chữ tăng trưởng nên dịch là bắt đầu biểu hiện.

Luận Câu Xá nói: “Căn trú vào Danh sắc nói là sáu Xứ, nghĩa là sáu Căn đều là riêng biệt, lấy riêng biệt dựa vào tổng quát tách ra thành sáu, gọi là trú vào Danh sắc. Tham nhất định phải đối với cảnh là Xúc, Thọ nhất định phải tiếp nhận Xúc. Tham tức là Ái, gọi là Thọ không có chán ngán. Ái thâm nhiếp không rời bỏ tức là Dục thủ. Ái-Thủ tưới thấm sáu Chi trước mà trở thành Hữu, nhưng các chi Hữu ở trước thì Sinh tức là nghĩa của Hữu. Do Hữu mà khởi lên, tức là các pháp khởi lên ở trước, chính là nghĩa của Sinh. Sinh chín muồi là Lão, bởi vì vật sinh ra tức là biến dị. Lão hoại là Tử, bởi vì diệt trong sát-na.”

Lại dựa vào Đại thừa vốn là hoại ngay nơi tướng. Vì vậy Kinh nói: Mới sinh đã có diệt, không vì người ngu mà nói. Ở đây, nếu không đoạn trừ thì gọi là ràng buộc với nhau. Phần vị của mười hai Chi, năm Uẩn đều gọi là phần vị, từ đây thuận theo về sau là có từ vô thủy đến nay, gọi là nối tiếp ra xa. Lý nối thông Đại-Tiểu, hoặc là Thức thứ sáu-thứ tám khác nhau mà thôi, không phải là Thánh giáo lượng thì ai tin vào ý nghĩa này? Luận chủ không giải thích, hầu như sót lại phần Sở.

Văn này chính thức phân rõ về mười hai chi Hữu cùng thời gian mà khác Thế. Nếu cùng thời gian-cùng Thế thì cũng đầy đủ mười hai Chi, nghĩa là mê lầm Đệ nhất nghĩa tức là Vô minh; Hữu lậu-Hữu thủ thì gọi là Hành; Thế tức là Thức, cũng tức là Danh sắc, tức là Ý xứ; đối với cảnh gọi là Xúc; cảm nhận đối với cảnh gọi là Thọ; nhiễm theo cảnh gọi là Ái; đắm vào cảnh gọi là Thủ; dẫn đến báo gọi là Hữu; Thế hiện rõ gọi là Sinh; ngay nơi dị-diệt là Lão tử.

Dùng mười hai chi Hữu này dựa theo thời gian nối thông mà nói, tổng quát có sáu loại: 1- Dựa vào năm đời mà nói về mười hai Chi, nghĩa là Vô minh-Hành ở quá khứ lại thuận theo quá khứ, sinh ra phiền não ở quá khứ, đây là Hoặc nghiệp sinh ra phiền não; hai nhân ở quá khứ sinh ra năm quả hiện tại, thì Hoặc nghiệp sinh ra Khổ; nếu hiện tại sinh ra vị lai, vị lai lại sinh ra vị lai, thì Khổ trở lại sinh ra Khổ. Đây là dựa vào ba đời mở rộng nhân-đưa ra quả, giả thiết nói có năm, chứ không phải là dựa theo lần lượt chuyển tiếp, không rơi vào vô cùng tận. 2- Dựa vào ba đời. 3- Dựa vào hai đời. 4- Dựa vào một đời, trước-sau kiến lập đều như trong môn thứ nhất phân rõ. 5- Cùng thời gian mà khác Thế. 6- Cùng thời gian và cùng Thế, tức là như văn này.

Hai là dựa theo trong quán sát về Đại Bi tùy thuận, tức là quán sát thứ hai thuộc về cầu giải thoát ở nơi khác, nghĩa là phàm phu ngu si điên đảo, bởi vì thường thuận theo mong cầu giải thoát ở trong Thức

A-lại-da và Thức A-đà-na, và mong cầu giải thoát ở trong Ngã-Ngã sở thuộc về nơi khác. Kinh trình bày chỉ là một tâm, bởi vì ngoài tâm không có Ngã-Pháp, là mong cầu ở trong một tâm; cũng giống như kinh Tịnh Danh nói: “Giải thoát của chư Phật là mong cầu ở trong tâm hành của chúng sinh.”

Nói A-lại-da, Trung Hoa nói là Tạng Thức, có thể cất giữ tất cả các pháp thuộc phẩm tạp nhiễm mà khiến cho không mất đi, bởi vì nắm giữ Ngã kiến-Ngã ái... dùng làm Ngã bên trong của mình. Tên gọi này chỉ thuộc về Dị sinh Hữu học.

A-đà-na, Trung Hoa nói là Chấp Trì, bởi vì nắm giữ duy trì chủng tử và Sắc căn. Tên gọi này bao gồm tất cả các phần vị.

Hai loại này tức là tên gọi khác của tâm. Ý của Luận chủ trình bày về tâm hàm chứa nhiễm-tịnh, cho nên cùng nêu ra hai tên gọi, giải thích về nghĩa của một tâm. Nghĩa về mong cầu thế nào? Nếu có chấp Ngã thì thành A-lại-da, nếu chấp Ngã không còn thì rời bỏ tên gọi A-lại-da, chỉ có A-đà-na duy trì chủng tử vô lậu, thì Vọng tâm này diệt đi mà Chân tâm hiển hiện, vì vậy kệ sau nói: Nếu tâm diệt đi thì sinh tử không còn, tức là diệt trừ Vọng, chứ không phải là diệt Thể của tâm.

Ba là dựa theo quán sát về Trí thuộc tất cả các tướng, tức là quán sát thứ hai thuộc về nương tựa, trình bày duyên tích tập này dựa vào hai loại: 1- Dựa vào Đệ nhất nghĩa, như trước đã nói; 2- Dựa vào tâm thức, tức là văn này. Trước chỉ dựa theo tịnh, ở đây bao gồm nhiễm-tịnh, nghĩa về nương tựa như trước nói. Lại trước tức là dựa vào Chân mà khởi Vọng, ở đây thì hiển bày Vọng dựa vào Chân.

Trong môn thứ ba: Tự nghiệp giúp đỡ mà thành, cũng có ba:

Một là dựa theo quán sát về tướng của Đấng. Hai môn dưới đây tức là quán sát về nhân. Quán sát về nhân có hai: 1- Quán sát về nhân của nơi khác; 2- Quán sát về nhân của chính mình.

Viễn Công nói: “Hành hưởng về Vô minh khác cho nên gọi là nhân của nơi khác, từ Vô minh trước sinh ra Vô minh sau gọi là nhân của chính mình. Nhân của nơi khác thì ít thông suốt, nhân của chính mình thì có ngăn ngại.”

Vì vậy Luận nói: Quán sát về nhân của chính mình là lìa xa Chi trước, không có Chi sau. Kinh nói: Nhân duyên của Vô minh mà có thể sinh ra các hành. Nay nói là nhân của nơi khác, là hoàn toàn nhờ vào Chi trước mà sinh ra Chi sau. Đây là chọn ra tự tánh. Trong quán sát về Đại Bi tùy thuận, chọn ra thật tánh của các pháp (Minh tánh). Quán sát về Trí thuộc tất cả các tướng gọi là phương tiện, chỉ thuận theo Vô

minh mà sinh ra Hành, cho nên gọi là nhân của chính mình. Đây là chọn ra nhân khác có thể sinh ra Hành, cũng giống như sữa đặc (Lạc) chắc chắn từ sữa sinh ra, mà không phải từ đá sinh ra. Quán sát về Đại Bi tùy thuận phá bỏ các nhân như tự tại..., quán sát về Trí thuộc tất cả các tướng hiển bày về tướng của nhân duyên.

Ba Quán chọn lấy ý khác nhau về chi tiết, mà văn nghĩa giống nhau trên đại thể, các Sư không tìm hiểu văn Luận, tùy tiện đưa ra giải thích khác nhau.

Nay một môn này, tức là quán sát về nhân của nơi khác. Kinh trình bày đều có hai nghiệp, thì một là nghiệp của chính mình (Tự nghiệp), hai là giúp đỡ mà thành (Trợ thành). Nhưng đều nói là nơi khác, là chỉ do Vô minh mê lầm đối với Sở duyên, mới làm nhân của Hành; nếu hiểu rõ Sở duyên thì lẽ nào khởi lên Hành hư vọng? Lại một là trình bày về nghiệp của chính mình, hiển bày về nghĩa của nơi khác; hai là trình bày về sinh ra đời sau, hiển bày về nghĩa của nhân. Mười một Chi còn lại suy nghĩ dựa theo như vậy.

Nhưng nhân của sinh khởi tức là duyên tăng thượng, dùng duyên gọi là nhân thuận theo nghĩa bao gồm mà nói. Ở trong bốn duyên, các Chi hướng về với nhau, bởi vì Tăng thượng chắc chắn là có.

Kinh Duyên Khởi và trong văn này, chỉ trình bày có một, ba duyên còn lại có-không có thì không nhất định, cho nên lược qua không trình bày, nghĩa là Ái hướng về Thủ, Hữu hướng về Sinh, đều có nghĩa của nhân duyên, bởi vì Ái tăng lên làm Thủ, Thức tăng lên làm Hữu. Nếu nói chi Thức là chủng tử của nghiệp, thì Hành hướng về Thức cũng làm nhân duyên, các Chi khác hướng về với nhau không có nghĩa của nhân duyên.

Nhưng luận Tạp Tập nói Vô minh hướng về Hành có nhân duyên, là dựa vào tập khí của nghiệp ở lúc Vô minh mà nói, bởi vì Vô minh đi cùng, cho nên giả thiết mà nói về Vô minh thật là chủng tử của Hành.

Luận Du Già nói các Chi hướng về với nhau không có nhân duyên, là dựa vào Ái-Thủ hiện hành chỉ có nghiệp mà nói.

Bốn phần vị trên hướng về với nhau rõ ràng là có nhân duyên: Hai loại đầu chắc chắn là thật, một loại tiếp là không nhất định, một loại sau là giả thiết mà nói.

Vô minh hướng về Hành, Ái hướng về Thủ, Sinh hướng về Lão tử có hai duyên khác, đều dùng hiện hành hướng về với nhau, Vô gián duyên dẫn dắt phát sinh, bởi vì có thể duyên ngược lại với tâm suy nghĩ như Hành...

Hữu hưởng về Sinh, Thọ hưởng về Ái, không có Đẳng vô gián mà có Sở duyên duyên, bởi vì chúng tử hưởng về hiện hành, hiện hành đã phát sinh lại duyên với chúng tử. Chi khác hưởng về với nhau, hai duyên đều không có.

Trong này lại dựa vào thuận theo thứ tự sát bên cạnh, không tạp loạn với nhau, là nói về Thật duyên khởi khác nhau. Ở đây hưởng về với nhau là duyên không nhất định, bởi vì thuận-nghịch ấy đều có thứ tự và vượt lên cách xa.

Vì duyên đã nhiều nghĩa không giống nhau, cho nên Kinh dựa theo chọn ra chủ yếu thuận theo chắc chắn có mà nói. Lại dựa theo nhân mà nói thì đã hàm chứa ba duyên còn lại, mười hai Chi ấy đều bắt đầu là nghiệp của chính mình, không khác với hai môn trước đây.

Luận chủ chỉ giải thích về hai nghiệp của Lão-Tử, là bởi vì chất vấn này, cho nên nêu ra một để ví dụ về nhiều. Nhưng bởi vì Vô minh không có nhân, Lão-Tử không có quả, cho nên mười một Chi trước đều làm nhân sinh khởi cho Chi sau, Lão-Tử không có quả thì làm nhân cho Chi nào?

Ý của văn kinh là hiển bày làm nhân cho Vô minh, bởi vì Vô minh không phải là không có nhân, Lão-Tử không phải là không có quả, cho nên nói là không hiểu biết rõ ràng, mà nối tiếp nhau mãi không dứt. Không hiểu biết rõ ràng, tức là Vô minh. Vì vậy mười hai nhân duyên giống như tìm theo vòng tròn, như bánh xe mức nước dưới giếng, không có đoạn tuyệt. Hiển bày ngược lại, nếu có thể hiểu biết rõ ràng thì không còn sinh tử.

Luận chủ tổng quát dùng hai nghiệp làm nhân của đời sau, cho nên nói thân năm ấm hủy hoại, có thể làm nhân của đời sau mà không thấy biết. Có thể làm nhân của đời sau, ý trình bày Ấm trước chỉ diệt đi thì Ấm sau sinh ra, đầu làm nhân cho sau mà ý không biết, tức là Vô minh. Vô minh làm nhân thì mười hai Chi nối tiếp nhau mãi không dứt. Không thấy được ý này thì uổng phí chính mình...

Hai là dựa theo quán sát về Đại Bi tùy thuận. Trong bốn Quán, bốn đoạn dưới đây trình bày về quán sát thứ ba thuộc về cầu giải thoát ở đạo khác. Luận nói: Nhân điên đảo có ba loại nhân thuộc về Tánh: Nhân tự tại, nhân khổ hạnh và không có nhân. Ở đây có bốn nhân, như thứ tự bốn môn để phá trừ. Ba nhân trước là nhân Tà mà gộp lại nói là điên đảo.

1- Tánh tức là Minh tánh, nghĩa là phái Tăng Khư cho rằng tánh này là nhân đã nhận biết, nói là nhận biết về Minh tánh này thì được

giải thoát. Trước đây nói mong cầu giải thoát ở nơi khác là hiển bày về Lý sai trái, trong này tuy nói là đã nhận biết mà ý chọn lấy Hành sai trái.

2- Phái Ca-la Cưu-đà cho rằng trời Tự Tại là nhân đã mong cầu, nghĩa là trời Tự Tại giận dữ thì chúng sinh nhận chịu đau khổ, trời Tự Tại vui vẻ thì chúng sinh nhận được vui sướng, cho nên mong cầu niềm vui ấy.

3- Phái San-xà-dạ cho rằng khổ hạnh là nhân đã tu tập, bởi vì chỉ tu tập khổ hạnh để đáp lại nghiệp cũ, thì được giải thoát.

4- Không có nhân, tức là phái A-kỳ-đa cho rằng chúng sinh không nhờ vào nhân mà có được, vạn pháp tự nó như vậy, nếu nhận biết điều này thì được giải thoát.

Chúng sinh trải qua mong cầu ở trong đạo khác với nhân tà vậy-nhân không có trên đây, muốn dùng Chánh để loại bỏ Tà cho nên đưa ra bốn môn, khiến cho mong cầu trong đó, không nên mong cầu ở trong Tà kiến trên đây. Môn này tức là phá bỏ Minh tánh, nghĩa là nhân duyên của chi Hữu đều có hai loại nghiệp, mà có thể sinh ra sự việc của nhân duyên ấy, không nhờ vào Minh tánh, bởi vì đoạn duyên của Chi trước thì Chi sau không nối tiếp, trong một đời sẽ được giải thoát, Minh tánh của ông dù cho nhận biết tám vạn kiếp mà cũng không có hạn kỳ giải thoát.

Ba là dựa theo quán sát về Trí thuộc tất cả các tướng, tức là quán sát thứ ba thuộc về phương tiện, nghĩa là nhân duyên của chi Hữu đều có hai nghiệp làm phương tiện sau phát khởi, nếu diệt những duyên trước thì không sinh những duyên sau, là phương tiện giải thoát.

Trong môn thứ tư: Không rời bỏ lẫn nhau, ba môn giống như trước.

Một là dựa theo quán sát về tướng của Đế, tức là quán sát về nhân của chính mình, nghĩa về nhân của chính mình đã thấy ở văn trên. Và lại, Luận nói: Quán sát về nhân của chính mình, là quán sát về nhân tự mình sinh ra như Vô minh... mà duyên với sự việc, nghĩa là lìa bỏ Chi trước thì không có Chi sau, như không lìa bỏ Vô minh mà có Hành..., thì Vô minh chỉ là nhân của chính mình thuộc về Hành. Bởi vì là chính mình mà khiến cho Hành không đoạn dứt. Bởi vì là nhân cho nên chỉ nói giúp đỡ mà thành. Nếu chỉ là không lìa bỏ Vô minh mà có Hành thì thành dựa vào thái quá (Thái tức), không nên nói là Vô minh duyên Hành; nếu hoàn toàn lìa bỏ Vô minh mà có Hành thì thành lìa xa thái quá (Thái ly), bởi vì Vô minh thì không phải là nhân của Hành.

Luận nói: Khác nhau thì không thành, không dựa vào-không lia xa thì gọi là nhân của chính mình, cũng thành hai nghĩa rồi. Vì vậy Luận chủ dẫn ra kệ của Trung Luận nói:

*“Nhiều nhân duyên sinh ra các pháp,
Vậy thì không dựa vào nơi nhân,
Lại cũng không tách rời với nhân,
Không phải Đoạn cũng không phải Thường.”*

Câu đầu là tổng quát nêu ra. Câu tiếp là bởi vì thụ động sinh ra chứ không phải chủ động sinh ra. Lại cũng không tách rời với nhân, là thuận theo chủ động sinh ra mà phát sinh thụ động sinh ra. Không phải Đoạn cũng không phải Thường, là không dựa vào cho nên không Thường, không tách rời cho nên không Đoạn. Lại không dựa vào nhân cho nên quả không Đoạn-nhân không Thường, không tách rời nhân cho nên cho nên quả không Thường-nhân không Đoạn. Lại bởi vì không dựa vào cho nên nhân-quả đều không Đoạn, không tách rời cho nên nhân-quả đều không Thường, bởi vì không phải là Thường nối tiếp nhau. Lại cũng trái với điều này, bởi vì không phải là Thường nối tiếp nhau. Lại bởi vì không tách rời là không dựa vào, ngay nơi không Thường là không Đoạn, suy nghĩ điều này!

Trong văn: Trước là Quán thuận, sau là Quán nghịch.

Trước là trong Quán thuận, Luận nói: Vô minh có hai loại: 1- Thời gian của chủng tử; 2- Thời gian của quả. Trong này, thời gian của chủng tử là khiến cho Hành không gián đoạn, bởi vì có hai loại nghĩa, duyên với sự việc để thị hiện: Tử là chủng tử, Quả là hiện hành. Quả của hiện hành, tuy là trước mà đã tàn lụi cho nên không chọn lấy; chủng tử nối tiếp mà khiến cho Hành không gián đoạn, có thể giúp đỡ thành tựu về Hành, cho nên chọn lấy thời gian của chủng tử. Cũng có thể bắt đầu khởi lên Vô minh gọi đó là chủng tử, chuyển đến thời gian của Hành gọi đó là quả. Do lực của Đẳng Dẫn trước đây khiến cho Hành không gián đoạn, giúp đỡ thành tựu về Hành cho nên chỉ chọn lấy thời gian của chủng tử. Mười một Chi còn lại đều có hai thời gian, dựa theo đây có thể hiểu rõ.

Sau là Quán nghịch, Luận nói: Thời gian trước-thời gian sau diệt đi, thời gian giữa cũng không có, vì thế cho nên không nói, mười hai nhân duyên không ra ngoài ba thời gian. Quá khứ-vị lai đã không có thì hiện tại lẽ nào có thể có, vì thế cho nên không nói, có nghĩa về không gián đoạn giúp đỡ mà thành. Lại không nói, bởi vì diệt là diệt các nghĩa trước, không giả thiết nói về chủng tử-quả đều khác nhau.

Hai là dựa theo quán sát về Đại Bi tùy thuận, phá bỏ trong nhân điền đảo, lấy trời Tự Tại làm nhân của chúng sinh. Nay lấy Vô minh... làm nhân của Hành..., hãy còn không thuận theo Chi khác, lẽ nào có thể thuận theo trời Tự Tại hay sao?

Ba là dựa theo quán sát về Trí thuộc tất cả các tướng, tức là quán sát thứ tư thuộc về tướng của nhân duyên. Bởi vì chi Hữu là Vô tác, đã dựa vào những Chi trước khiến cho những Chi sau không gián đoạn, giúp đỡ mà thành những Chi sau, thì những Chi sau là Vô tác, sao có những Chi trước có thể đẩy lên những Chi sau? Tức là dùng Vô tác làm tướng của duyên, là cảnh của Chứng trí.

Môn thứ năm: Ba đường không đoạn dứt, ba môn giống như trước.

Một là dựa theo quán sát về tướng của Đế trong Luận. Trong sáu Quán, gọi là quán sát về thâm nhiếp lỗi lầm, nghĩa là dùng ba đường thâm nhiếp mười hai Chi, thì hiển bày chi Hữu chỉ thâm nhiếp lỗi lầm thuộc về nhân-quả của Khổ, nghiệp-phiền não là nhân, Khổ tức là quả. Cũng có Quán thuận-Quán nghịch.

Trước là trong Quán thuận, văn hàm chứa hai nghĩa:

1- Dựa theo ba đời, thì Vô minh của quá khứ, Ái-Thủ của hiện tại, gọi là phiền não. Tuy cùng là phiền não, mà quá khứ mê lầm đối với Bốn tế, cùng với Vô minh gọi là hiện tại, dẫn dắt sinh ra quả đời sau bởi vì Ái-Thủ, ẩn hiện làm sáng tỏ lẫn nhau thuận theo gốc ngọn ấy. Hành-Hữu là nghiệp, nghiệp đời trước gọi là Hành, nghiệp hiện tại gọi là Hữu. Tuy cùng là nghiệp, quá khứ đã xác định ngay nơi tướng gọi là Hành, vị lai chưa có nghiệp mà có thể có công năng thiết lập tên gọi. Năm quả ở hiện tại, hai quả ở vị lai, giống nhau đều là Khổ. Hiện báo đã xác định ngay nơi tướng nhận lấy tên gọi, vị lai tiếp tục khởi lên thuận theo lỗi lầm mà thiết lập.

Nếu dựa theo ba đời, mười Chi trước là cùng thời gian (Đồng thế), thì phiền não có hai loại là chủ động phát khởi-chủ động tưới thấm. Tuy các phiền não đều chủ động phát khởi-tưới thấm, mà lực của Vô minh tăng mạnh ở phần vị phát nghiệp, tưới thấm nghiệp thọ sinh; lực của Ái-Thủ mạnh hơn, đều nhận lấy tên gọi riêng biệt, bởi vì chỉ một Vô minh thường xuyên tưới thấm mà không có trở lại phát khởi, cho nên phân ra Ái-Thủ.

Nghiệp cũng có hai, là chưa tưới thấm-đã tưới thấm. Chưa tưới thấm gọi là Hành, bởi vì bắt đầu tạo tác; đã tưới thấm gọi là Hữu, bởi vì gần sinh ra là có. Nếu tổng quát chọn lấy chủng tử của Thức... làm thụ

động tươi thắm, thì cũng là Khổ thâm nhiếp. Luận Duy Thức nói: “Một phần của chi Hữu là do nghiệp đã thâm nhiếp, dựa vào trong bảy quả của Khổ, thì năm quả dựa theo chủng tử mà nói.”

2- Dựa theo hiện hành, thì phần vị chủng tử khó nhận biết. Dựa vào phần vị của quả ấy riêng biệt hiển bày làm năm, bởi vì phần vị của quả dễ dàng hiểu rõ, cho nên chỉ thiết lập làm hai, đều nói như trước.

Ba đường đều nói là không đoạn dứt, nghĩa là từ ba phiền não sinh ra hai nghiệp, từ hai nghiệp ấy lại sinh ra bảy Khổ, bảy Khổ lại sinh ra ba phiền não cho nên giống như bánh xe quay tròn. Như luận Thập Nhị Nhân Duyên của Bồ-tát Tịnh Ý trình bày rộng.

Sau từ “Tiền hậu tế...” trở xuống là Quán nghịch, phân hai: 1- Trình bày về đối trị đoạn dứt, nghĩa là đoạn dứt Vô minh-Hành của thời gian trước và Ái-Thủ-Hữu của thời gian sau, thì bảy Khổ không phát sinh. 2- Từ “Như thị tam đạo...” trở xuống là trình bày về đoạn dứt tự tánh, vì vậy Bồ-tát Tịnh Ý nói: “Tất cả các pháp thế gian chỉ có nhân quả chứ không có người, nhưng từ các pháp trống rỗng lại sinh ra pháp trống rỗng, vậy thì nhân quả sinh diệt, như hai bó lau cùng dựa vào nhau mà đứng, không thể nào một mình mà thành tựu, thì biết là Vô tánh, hai Ngã đều Không.”

Hai là dựa theo quán sát về Đại Bi tùy thuận, tức là phá bỏ chấp vào nhân khổ hạnh trong mong cầu giải thoát ở đạo khác, nghĩa là lấy nghiệp-phiền não mà làm nhân của Khổ, muốn cầu thoát Khổ thì phải đoạn trừ nghiệp-phiền não; trái lại tu khổ hạnh là khởi lên vọng nghiệp, tâm chấp vào khổ hạnh tức là phiền não. Vọng tưởng như vậy lẽ nào là nhân của niềm vui giải thoát?

Ba là dựa theo quán sát về Trí thuộc tất cả các tướng, tức là quán sát thứ năm thuộc về tiến vào Đế, ba đường vốn là Khổ-Tập đế, nghĩa là nghiệp-phiền não đều là Tập.

Luận Du Già nói: “Sinh-Lão tử là Khổ của pháp hiện tại, năm Chi như Thức... là Khổ của vị lai, bởi vì năm Chi dựa theo chủng tử mà nói.”

Luận Duy Thức nói: “Mười hai Chi đều do Khổ đế thâm nhiếp, bởi vì Thủ uẩn làm tánh; năm Chi cũng là Tập đế, bởi vì nghiệp-phiền não làm tánh. Vậy thì nghiệp-phiền não bao gồm hai Đế. Dựa theo Quán nghịch tức là Diệt-Đạo đế, bởi vì tâm phân biệt về Diệt cũng chính là Đạo. Vả lại, Thể của ba đường tức là tánh thanh tịnh thuộc về ba đức Niết-bàn, mà Phật tánh là một Thật đế.”

Môn thứ sáu: Luân hồi trong ba đời, ba môn giống như trước.

Một là dựa theo quán sát về tướng của Đế, gọi là quán sát về bảo vệ lỗi lầm, nghĩa là nói về ba đời bởi vì bảo vệ ba lỗi lầm. Ba đời không giống nhau, các Giáo có ba thuyết:

1- Dựa vào luận Duy Thức, chủ động-thụ động dẫn dắt thì hợp lại, chủ động-thụ động sinh ra thì tách ra, mười Chi trước là hiện tại, hai Chi sau là vị lai, mười nhân-hai quả chắc chắn không cùng thời gian.

Trong nhân: Bảy Chi trước cùng với ba Chi như Ái..., hoặc là giống nhau-hoặc là khác nhau, nghĩa là Sinh báo chắc chắn giống nhau, Hậu báo thì khác nhau; nếu là Chi hai-ba-bảy thì đều chắc chắn cùng thời gian. Một lớp nhân-quả như vậy, đủ để hiển bày về luân chuyển và lìa xa Đoạn-Thường. Vậy thì chỉ dùng hai đời đầy đủ mười hai Chi, không thừa nhận hai lớp nhân quả thuộc về ba đời. Nếu như vậy thì tại sao nói đến ba đời? Bởi vì hai quả hiện tại chính là quả của mười nhân thuộc về đời trước.

2- Dựa vào Trí Luận và luận Câu Xá, sinh ra-dẫn dắt đều tách ra, hai Chi đầu là quá khứ, tám Chi tiếp là hiện tại, hai Chi sau là vị lai, cho nên trở thành ba đời.

Trong tám Chi hiện tại: Năm Chi trước là quả đáp lại quá khứ; ba Chi sau là nhân lại dẫn đến vị lai. Bởi vì hai lớp nhân quả đều đầy đủ ba đường, có thể cự tuyệt với Hành.

3- Dựa vào ý của kinh này, trình bày về ba đời mà tách chủ động-thụ động dẫn dắt ra làm đời hiện tại trước đây, bởi vì ngăn chặn bảy Chi trước chắc chắn cùng thời gian. Lại chỉ ra các duyên, trình bày về mê lầm Bốn tế, hai Chi chủ động-thụ động sinh ra thì hợp lại thuộc về quá khứ, tổng quát làm đời vị lai, bởi vì ngăn chặn Ái... chỉ là tưới thấm. Nêu ra nhân dẫn đến quả, khiến cho chán ngán nhân mà lấy nhân thuận theo quả, năm Chi thuộc về vị lai, thì chủ động thụ động dẫn dắt-sinh ra, và thụ động phát khởi-tưới thấm đều có thể có lẫn nhau.

Kinh không có sinh tử, là cùng thừa nhận là quả, lược qua không trình bày về điều đó, Luận về Kinh đầy đủ. Văn trình bày rất rõ ràng, vì sao chỉ chọn lấy hai đời mà không chấp nhận ba đời? Đã biết về đại ý, tiếp theo là chính thức giải thích văn. Văn có Quán thuận-Quán nghịch.

Trong Quán thuận có hai: Trước là trình bày toàn bộ hướng về ba đời; sau từ “U thị...” trở xuống là trình bày về lưu chuyển trong ba đời.

Trong mục trước nói Vô minh duyên Hành là quán sát về quá khứ, quán sát có hai nghĩa: 1- Quán sát về Sinh của hiện tại là hai nhân của quá khứ đã dấy lên; 2- Là nhận biết về Thức... là quả vị lai của quá khứ

ấy. Nhân quả phụ thuộc với nhau, lặp đi lặp lại tác thành lẫn nhau, như vậy mới gọi là thấy nghĩa của nhân quả khứ, có thể ngăn ngừa ba lỗi lầm.

Nói Thức cho đến Thọ là quán sát về hiện tại, cũng có hai nghĩa: 1- Quán sát về Thức... của hiện tại do nghiệp của quá khứ mà có được; 2- Lại nhận biết về Thức... có thể đạt được quả báo của vị lai. Bởi vì đối trị không được mà dựa vào khởi lên Ái..., cho nên mắt nhìn thấy hiện tại, phân ra hai hướng để trình bày về hai nghĩa ấy.

Nói Ái cho đến Hữu là quán sát về vị lai, nhân của vị lai này quyết định đạt được quả vị lai, bởi vì toàn bộ hướng về quyết định.

Trong mục sau là lưu chuyển trong ba đời, nghĩa là đối trị không được lại có đời sau, ở trong đời sau chuyển đổi sinh ra đời sau, tiếp về sau không có cùng tận.

Đã nhận biết về ba đời. Vì sao bảo vệ lỗi lầm? Nghĩa là các pháp nhân duyên bên trong và bên ngoài thiết lập ba loại lỗi lầm: 1- Lỗi lầm về tất cả các thân cùng một lúc sinh ra, nguyên cơ thế nào? Bởi vì không có nhân khác nhau. Lỗi lầm này thuận theo nhân của chính mình trước đây mà sinh ra, nghĩa là đã không có tự tại... mà làm nhân khác nhau, chỉ do Vô minh-Hành làm nhân của Thức..., Hành có nhiều loại, vì sao không có thể cùng sinh trong sáu đường? 2- Lỗi lầm do nghiệp của chính mình không có thọ báo, nguyên cơ thế nào? Bởi vì không có người làm ra. Lỗi lầm này thuận theo duyên sinh Vô tác, người làm ra tức là Ngã. 3- Lỗi lầm do nghiệp thay đổi, nguyên cơ thế nào? Bởi vì chưa thọ quả báo mà nghiệp đã lụi tàn. Lỗi lầm này thuận theo duyên sinh Vô thường.

Trên đây phân rõ về lỗi lầm. Vì sao bảo vệ? Bởi vì nếu thấy ba đời thì có thể bảo vệ, nhưng nghiệp quá khứ có ba loại nghĩa, cho nên không đạt được báo: 1- Chưa gây ra; 2- Đã gây ra mà chưa tưới thấm; 3- Có thể đối trị.

Nay Vô minh duyên Hành là hiển bày về đã gây ra, năm Chi như Thức... hiện hành là hiển bày về đã tưới thấm, đã tiếp nhận ba chi Ái-Thủ-Hữu là nhận biết chưa đối trị được. Đối với nghiệp đã gây ra, đã có tưới thấm-chưa tưới thấm, khác với điều này bởi vì nhân khác nhau. Đã tưới thấm thì nhận lấy Sinh báo, chưa tưới thấm thì nhận lấy Hậu báo. Tưới thấm-chưa tưới thấm khác nhau, lẽ nào có thể cùng một lúc nhận lấy trong sáu đường hay sao? Đây là nhân khác nhau, đâu cần phải tự tại. Đã tự mình tạo ra nhân khác nhau, thì tự mình nhận lấy hai báo, không phải là thân khác nhận lấy, sao nói là nghiệp của chính mình

không có thọ báo? Giả sử tự mình tạo ra thì đâu cần đến Ngã? Nếu nghiệp đã gây ra không đối trị được, tươi thắm thì lập tức sinh ra, nhận biết về nghiệp không thay đổi, bởi vì nhân tuy diệt trước mà thể lực còn nối tiếp, hiện tại thấy cảm đến báo thì không thể nói là thay đổi, đã vượt qua ba lỗi lầm rồi.

Sau từ “Vô minh diệt...” trở xuống là Quán nghịch, tức là nghĩa về có thể đối trị, pháp này diệt thì pháp kia diệt, là quán sát về đối đãi đoạn trừ. Lại quán sát về nhân có thể diệt trừ, là chọn ra diệt thuộc tự tánh, cho nên gọi là quán sát về đối đãi. Nhưng mười hai duyên ở ba đời đều đầy đủ, chỉ tùy theo dấu tích giáo hóa ẩn hiện mà phân làm ba, khiến cho nhận biết về nhân quá khứ dẫn đến quả báo đau khổ hiện tại. Nay đoạn trừ Ái... là không sinh ra quả ở vị lai, thì ngu si tuyệt mạng bởi lưỡi dao của Tuệ, nước Ái khô cạn bởi ngọn lửa của Trí, cao xa rộng mở bốn phương ở tại sáu nẻo, Vô sinh vượt lên thanh thân ở tại tám hướng rồi.

Hai là dựa theo quán sát về Đại Bi tùy thuận, đối trị kiến chấp về không có nhân trong mong cầu giải thoát ở đạo khác, chỉ ra nhân quả của ba đời, hai nhân của đời quá khứ là năm nhân của đời hiện tại, ba nhân của đời hiện tại là hai nhân của đời vị lai. Nếu không có những sự việc như vậy, thì chúng sinh cũng không có, nhân này đã có, thì sao có thể nói là không có?

Ba là dựa theo quán sát về Trí thuộc tất cả các tướng, là quán sát về có lực-không có lực tin tưởng tiến vào nương tựa. Luận nói: Bởi vì giáo hóa thù thắng thuộc về ba thời gian trước-giữa và sau, nghĩa là ba thời gian này vì gần bên nghĩa của nhân đều gọi là có lực, vì gần bên nghĩa của quả gọi là không có lực. Nếu dựa theo ba đời, thì thời gian trước có lực đối với năm nhân của hiện tại, không có lực đối với hai nhân của vị lai; Ái... ở thời gian giữa có lực đối với hai nhân của vị lai, không có lực đối với hiện tại. Dùng ba thời gian này để giáo hóa phạm phu kia, khiến cho tin tưởng tiến vào nương tựa thực hành. Thù thắng trong giáo hóa, suy xét tận cùng như vậy là cảnh của Chung trí.

Môn thứ bảy: Ba khổ tích tập mà thành.

Một là dựa theo quán sát về tướng của Đế, tức là quán sát thứ năm thuộc về không chán ngán và chán ngán trong sáu Quán. Luận nói: Chán ngán đủ loại khổ vi tế, bởi vì phân biệt tất cả các Thọ đều là khổ. Đây là dựa theo Hành khổ vi tế. Lại nói: Và chán ngán đủ loại khổ thô nặng. Đây là dựa theo Hoại khổ và Khổ khổ, phạm phu đều không chán ngán, mà Bồ-tát thì chán ngán. Lại đầu là khổ vi tế, Nhị thừa không

chán ngán, mà Bồ-tát cũng chán ngán. Nhị thừa tuy nhận biết Xả thọ, mà Hành khổ thì không đích thực tướng tận đến cùng, bởi vì có vô lượng tướng và khổ thuộc biến dịch, cho nên nói là không nhận biết. Trong văn cũng có Quán thuận-Quán nghịch.

Trong Quán thuận: Thuận theo tướng tăng lên mà nói, để phối hợp với ba Khổ, năm Chi trước chuyển biến hiển bày lẫn nhau gọi là Hành khổ, hai chi Xúc-Thọ xúc chạm đối đãi sinh ra khổ cho nên nói là Khổ khổ, còn lại chỉ hủy hoại niềm vui cho nên gọi là Hoại khổ; Lão tử hủy hoại Sinh, cũng gọi là Hoại khổ.

Nếu dựa theo luận Du Già-Duy Thức: Toàn phần của mười hai Chi đều do Hành khổ thâm nhiếp, bởi vì pháp hữu lậu. Phần ít của mười hai Chi do Khổ khổ thâm nhiếp, bởi vì trong mười hai Chi đều có thể có khổ. Phần ít của mười một Chi do Hoại khổ thâm nhiếp, bởi vì trong phần vị Lão-Tử hầu hết không có Lạc thọ. Dựa vào Lạc thiết lập về Hoại, cho nên nói là không có.

Nếu dựa theo hủy hoại về Sinh thì như kinh này nói. Nếu dựa vào Xả thọ để thiết lập Hành khổ, thì trừ ra Lão-Tử, bởi vì trong phần vị Lão-Tử không thể có Xả.

Bởi vì ba Khổ này thuận theo ba Thọ sinh ra, nghĩa là Khổ thọ sinh ra Khổ khổ, Lạc thọ sinh ra Hoại khổ, Xả thọ sinh ra Hành khổ.

Hai Khổ đều nói là phần ít, là trong mười hai Chi có đủ tánh của ba Khổ. Nếu là hai Khổ thì chắc chắn là Hành khổ, cho nên nói là toàn phần. Có lúc là Hành khổ mà không phải là hai Khổ. Lại là hai Khổ đều không thâm nhiếp hai Khổ, cho nên nói là phần ít.

Trong Quán nghịch có thể biết.

Hai là dựa theo quán sát về Đại Bi tùy thuận, bốn đoạn dưới đây là quán sát thứ tư thuộc về mong cầu giải thoát ở nơi khác, nghĩa là không hiểu biết về giải thoát chân thật, mà mong cầu Khổ... của ba cõi làm giải thoát, cho nên gọi là mong cầu giải thoát ở nơi khác.

Giải thoát chân thật có bốn loại tướng: 1- Tướng lìa xa tất cả các Khổ; 2- Tướng vô vi; 3- Tướng xa lìa cấu nhiễm; 4- Tướng xuất thế gian. Bốn tướng này tức là Lạc-Thường-Tĩnh-Ngã của Niết-bàn, bởi vì kinh Niết Bàn nói: “Tự tại xa lìa pháp thế gian, gọi là Ngã.” Vì vậy bốn đoạn Kinh sau, trình bày về điều ấy chỉ có bốn Vọng mà không có bốn Đức.

Nay ở đây trình bày về điều ấy có Khổ mà không có Lạc. Luận nói: Sự việc của Hành khổ ấy theo đuổi cho đến cõi Vô sắc cũng có ràng buộc, ngoại đạo cho rằng cõi Vô sắc là Niết-bàn, lẽ nào không

phải là Vọng khổ hay sao?

Ba là dựa theo quán sát về Trí thuộc tất cả các tướng, đây là quán sát thứ bảy thuộc về tăng thượng mạn-không phải tăng thượng mạn mà tin tưởng tiến vào.

Không nhận biết như thật về Khổ vi tế, Ngã mạn tức là Tăng thượng mạn. Nếu nhận biết về Khổ vi tế thì không phải là Tăng thượng mạn. Không nhận biết khiến cho nhận biết, gọi là tin tưởng tiến vào.

Môn thứ tám: Nhân duyên sinh diệt, cũng gọi là thuận theo duyên Vô tánh.

Một là dựa theo quán sát về Nhất thiết trí. Ba môn dưới đây đều trình bày về quán sát sâu xa, nghĩa là bốn câu mong cầu về duyên đều không có sinh, không có sinh mà sinh, cho nên nói là quán sát sâu xa.

Môn này trình bày về không tự mình sinh ra, không từ nơi khác sinh ra. Môn thứ chín trình bày về không cùng sinh ra. Môn thứ mười trình bày không thể không có nhân sinh ra.

Giải thích bốn câu này sơ lược có hai ý: 1- Phá bỏ tà; 2- Hiển bày Lý. Vọng chấp ngoài Lý gọi là Tà, Tà không còn thì Lý hiển bày, Lý hiển bày thì phiền não không còn, lập đi lập lại thuận theo với nhau. Nhưng bốn câu về Tự-Tha... là chấp trước-là nương tựa, một chữ Bất là Thuộc-là Lý. Lý tận cùng của Sinh không ra ngoài Tự-Tha, Tự-Tha nếu không có sinh ra thì sẽ nương nhờ vào đâu, cho nên lấy không thể làm cho không thể (Dĩ bất bất chi), thì phiền não không còn mà Lý hiển bày.

Nhưng mà đã chấp, tóm lược có ba loại: 1- Ngoại đạo nói Minh Tánh là Tự, Phạm Thiên là Tha, vi trần hòa hợp là Cọng, tự nhiên là không có nhân. Lại bốn chấp này cũng là các phái Tăng Khư, Vệ Thế, Nhã-đề-tử, Lạc-sa-bà. 2- Tiểu thừa nói nhân Đồng loại là Tự, nhân Dị thực là Tha, nhân Câu hữu là Cọng, cho rằng chi Vô minh dựa vào trống rỗng mà khởi lên, cũng gọi là không có nhân. Chấp trên đây cũng bao gồm chấp tướng thuộc Đại thừa. 3- Dựa theo Đại thừa, nói pháp thuộc quả là Tự, các duyên là Tha, hai loại này hợp lại là Cọng, hai loại này tách ra là không có nhân. Lại tự chủng của A-lại-da là Tự, các duyên là Tha, hai loại này hợp lại là Cọng, hai loại này tách ra là không có nhân. Lại pháp thuận theo Chân mà khởi lên là Tự, thuận theo Vọng mà khởi lên là Tha, hai loại này hợp lại là Cọng, hai loại này tách ra là không có nhân. Đã chấp tuy nhiều mà chỉ hiển bày về Chánh Lý.

Các chấp về Tự Vọng, hiển bày Lý lại có hai: 1- Dựa theo Vô sinh để hiển bày về quán sát sâu xa; 2- Dựa theo Sinh và Vô sinh không có

ngăn ngại để hiển bày về quán sát sâu xa.

Trong mục 1 sơ lược đưa ra hai cách giải thích:

Một- Dựa theo lần lượt chuyển tiếp để giải thích, pháp thuận theo duyên cho nên không tự mình sinh ra. Đã không có Tự thì đối với ai mà nói là Tha? Và lại, tất cả các pháp tổng quát mà là Tự, nhưng Tha hưởng về với Tha, cũng vốn là Tự. Đã không có Tha cho nên không phải Tha sinh ra. Tự-Tha không thiết lập, ai hợp lại làm Cộng? Có nhân hãy còn không sinh ra, không có nhân thì sao có thể sinh ra?

Hai- Dựa theo nhân duyên so sánh làm mất đi để giải thích, bởi vì luận Đối Pháp nói: “Tự chẳng có cho nên không thuận theo Tha, cần đến các duyên cho nên không phải là Tự làm ra, không có tác dụng cho nên không cùng sinh ra, có công năng cho nên không phải là không có nhân.” Luận giải thích giống như vậy. Nếu như vậy Tự chẳng vốn có thì đều là Tự sinh ra, lẽ nào nói là không có sinh ra? Đây chính là nhờ vào Tự để phá bỏ Tha, không phải là thiết lập đối với Tự. Câu tiếp là dựa vào Tha để loại bỏ Tự, bởi vì Trung Luận nói:

*“Giống như tự tánh của các pháp,
Không tồn tại ở trong các duyên.”*

Hai câu sau ví dụ như vậy, suy nghĩ tường tận về điều này!

Mục 2- Dựa theo Sinh và Vô sinh không có ngăn ngại, nhưng nhân duyên sinh quả đều có hai nghĩa, là hoàn toàn có lực và hoàn toàn không có lực: Một-Duyên hưởng về quả, nếu hoàn toàn có lực thì nhân hoàn toàn không có lực, cho nên nói là nhân không sinh mà duyên sinh, vì vậy nói là không phải Tự sinh. Hai-Nhân hưởng về quả hoàn toàn có lực cũng như vậy, cho nên nói là duyên không sinh; bởi vì Tự nhân sinh ra, cho nên không phải Tha sinh. Ba-Nhân duyên đều có lực không đi cùng, cho nên không cùng sinh ra. Bốn-Nhân duyên đều không có lực không đi cùng, cho nên không phải không có nhân.

Ở đây lại có hai nghĩa: a- Dựa theo Dụng thì Lực-Dụng đan xen với nhau, có nghĩa về hòa vào nhau (Tương nhập), nghĩa là có lực thâm nhiếp không có lực. Vì vậy phẩm Thập Nhãn nói: Bồ-tát khéo léo nhận biết về pháp duyên khởi, ở trong một pháp hiểu rõ rất nhiều pháp, ở trong rất nhiều pháp hiểu rõ một pháp... b- Dựa vào Thể thì có Không-Bất Không, có nghĩa về dựa vào nhau (Tương tức), nghĩa là không những Lực của nhân quy về duyên, mà cũng chính là Thể của nhân dựa vào duyên để hiển bày, hoàn toàn thâm nhiếp giống với duyên, bởi vì nhân như hư không.

Văn trên nói: Một tức là nhiều, nhiều tức là một..., có lực và không

có lực nhất định phải đi cùng, cho nên thường dựa vào nhau-hòa vào nhau, đây là quán sát rất sâu xa về Đại duyên khởi Vô tận. Trong văn cũng có Quán thuận-Quán nghịch.

Đầu là trong Quán thuận. Kinh nói: Vô minh duyên Hành là nhắc lại, nhân duyên của Vô minh có thể sinh ra các Hành là giải thích. Luận nói: 1- Có phần không phải là Tha tác, bởi vì Tự nhân sinh ra. Đây là dùng không phải Tha sinh để giải thích chữ Nhân trong kinh, nghĩa là như chi Hành chỉ thuận theo Vô minh, cho nên nói là Tự nhân, tức là quán sát về nhân của chính mình trước đây. 2- Không phải là Tự tác, bởi vì duyên sinh ra. Đây là dùng không phải Tự sinh để giải thích chữ Duyên trong kinh, nghĩa là chi Hành chỉ nhờ vào Vô minh làm duyên, không phải là có Tự Thể của Hành, ở trong Vô minh thuận theo Tự mà sinh ra, tức là quán sát về nhân của nơi khác. Chỉ chọn lấy nơi khác, không tự mình sinh ra cho nên gọi là Nhân; hiển bày trước không phải là sau, bởi vì sơ nhạ cho nên gọi là Duyên, chứ không nói là Nhân-Duyên của bốn duyên.

Phần còn lại đều có thể biết.

Hai là dựa theo quán sát về Đại Bi tùy thuận, tức là trong mong cầu giải thoát ở nơi khác, chấp vào Phi tướng... lấy làm Niết-bàn, lại chấp vào diệu hạnh làm giải thoát, không phải là đức của Thường mà chỉ là sinh diệt, cho nên đáng thương xót.

Ba là dựa theo quán sát về Trí thuộc tất cả các tướng. Phần này và môn sau gọi là quán sát về vô thủ. Ở đây có hai ý: 1- Nếu dựa theo Tục đế mà nói, thì nhân duyên làm nguồn gốc của sinh tử, sinh tử không có giới hạn cho nên nhân duyên không có bắt đầu. 2- Dựa theo Chân đế mà nói, thấy pháp duyên theo tích tập không có Bản tánh có thể nương tựa cho nên gọi là vô thủ, tức là kinh Tịnh Danh nói: “Thuận theo căn bản Vô trú mà thiết lập tất cả các pháp.” Chân tánh nhiệm-tĩnh đều không có bắt đầu và kết thúc, hiển bày về nhiệm có thể trừ bỏ, chỉ nói là vô thủ, còn lại như nơi khác nói.

Luận nói: Nhân duyên của thời gian giữa sinh ra, cho nên thời gian sau sinh ra, tức là nêu ra môn thứ tám này, bởi vì tùy thuận ràng buộc tức là môn thứ chín, nghĩa là chỉ một niệm thuận theo duyên sinh tức là không sinh, bởi vì không có bắt đầu. Không nói đến thời gian đầu sinh ra, là ý hiển bày vốn không có bắt đầu, nay không khởi vọng tức là không sinh.

Môn thứ chín: Sinh diệt ràng buộc, cũng gọi là tựa như có-tựa như không có.

Một là quán sát về Nhất thiết trí, trình bày về không cùng sinh ra. Trong văn có ba:

Đầu là Quán thuận. Trong Kinh chỉ trình bày Vô minh làm duyên ràng buộc Hành, khiến cho Hành ràng buộc là Vô minh. Đây là duyên sinh mà là Bất cộng. Luận nói: Không phải là cả hai làm ra, bởi vì chỉ tùy thuận sinh ra, bởi vì không có gì nhận biết, bởi vì lúc làm ra không dừng lại. Ý nói là chỉ riêng Hành thuận theo Vô minh, duyên không có được thì không sinh, không có gì nhận biết lẫn nhau, cho nên không phải là cả hai làm ra. Nếu như vậy chỉ tùy thuận sinh ra tức là cùng sinh, đâu cần gì nhận biết? Vì vậy câu cuối nói: Đã thuận theo duyên sinh thì niệm niệm không dừng lại, cái gì là cùng nhau? Ở đây giống như luận Đối Pháp, bởi vì không có tác dụng. Lại Trung Luận nói:

*“Hòa hợp tức là không có tánh,
Thế nào là hòa hợp sinh ra?”*

Tiếp từ “Vô minh diệt...” trở xuống là Quán nghịch, nghĩa là diệt thì chỉ diệt đối với ràng buộc, đã không có cùng sinh, lẽ nào có cùng diệt? Nói có sinh diệt đều là ràng buộc.

Sau là tương tự còn lại có thể biết.

Hai là dựa theo quán sát về Đại Bi tùy thuận, nghĩa là ngoại đạo ấy mong cầu ở nơi khác, lấy cõi trời Phi tưởng... làm giải thoát, Bồ-tát quán sát cõi ấy chỉ là nhiễm ô ràng buộc, không phải là đức Chân Tịnh của Niết-bàn.

Ba là dựa theo quán sát về Trí thuộc tất cả các tướng, trình bày trong quán sát về Vô thí, bởi vì tùy thuận ràng buộc mà sinh ra chứ không phải là có nguồn gốc.

Môn thứ mười: Quán sát không có gì tận cùng, cũng gọi là phai mờ cùng bình đẳng. Trong ba quán:

Một là quán sát về Nhất thiết trí, tức là trong quán sát sâu xa hiển bày không phải là không có nhân. Kinh cũng có hai tiết: 1- Trong Quán thuận, duyên sinh do Hành thuận theo Vô minh, duyên sinh tức là Vô tánh, cho nên nói là tùy thuận không hề có gì. 2- Trong Quán nghịch, diệt cũng là duyên diệt, duyên diệt không có diệt, mới thuận với Lý của tận diệt. Nhưng Luận về Kinh, trong Quán thuận nói: Là tùy thuận với có, bởi vì hiển bày về duyên sinh Vô tánh, cho nên không thể nào không có. Hai kinh tuy khác mà cùng trình bày về duyên sinh, cho nên không phải là không có nhân, không có nhân nào sai lầm? Nếu không có nhân mà sinh, thì sinh lẽ ra thường sinh, chứ không phải là không sinh. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì không có nhân nhất định. Đây tức là

phá bỏ theo chiều dọc. Cũng có thể luôn luôn không sinh. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì không có nhân mà sinh. Đây tức là làm mất đi nghĩa của sinh ấy, bởi vì không có nhân mà sinh, không phải là niềm vui của pháp Phật, bởi vì không có nhân mà có thể sinh là Đại tà kiến.

Hai là dựa theo quán sát về Đại Bi tùy thuận, tức là trong mong cầu giải thoát ở đạo khác, ngoại đạo chấp vào Vô sở hữu xứ-Phi tưởng... làm Niết-bàn, bởi vì thuận theo có, không phải là xuất thế gian, không có đức của Ngã mà tùy tiện cho là giải thoát, cho nên đáng thương xót.

Ba là dựa theo quán sát về Trí thuộc tất cả các tướng, là quán sát thứ chín thuộc về Chung chung. Đây tức là quán sát về Thế đế, bởi vì tùy thuận với có, có khác nhau như Ái... của cõi Dục-cõi Sắc và cõi Vô sắc, cho nên nói là đủ loại, ngay nơi Chân thuận theo có mà không thay đổi thuận theo không có.

Trên đây là riêng biệt giải thích về mười môn, xong.

Phần c là tổng quát kết luận về mười tên gọi. Đã nói là quán sát nghịch-thuận, thì hai môn trước thiếu phần Quán nghịch, chính là văn tóm lược mà thôi.

Nhưng thuận-nghịch này, như luận Đối Pháp quyển thứ 4 gọi là nhiễm-tịnh, trong nhiễm-tịnh đều có thuận-nghịch. Luận nói: Thuận-nghịch thuộc về tạp nhiễm, thuận-nghịch thuộc về thanh tịnh.

Trong thuận-nghịch thuộc về tạp nhiễm: Thuận là bởi vì Vô minh duyên Hành..., nghịch nói là cái gì tích tập Lão tử cho đến Vô minh? Vì vậy kinh Duyên Khởi nói: “Bởi vì cái gì có mà có Lão tử? Như vậy Lão tử lại bởi vì duyên gì?” Câu đầu là suy xét về nhân, câu sau là biết rõ về nhân.

Thuận-nghịch thuộc về thanh tịnh: Vô minh diệt thì Hành diệt là thuận, bởi vì cái gì diệt không có mà Lão tử diệt không có là nghịch.

Nay văn tóm lược không có, chỉ dựa theo nhiễm-tịnh làm thuận-nghịch mà thôi.

Nói về các duyên khởi, mười hai chứ không phải là một gọi là các (Chư). Những Chi trước làm duyên khiến cho những Chi sau khởi lên. Lại bởi vì phiền não ràng buộc, luôn luôn sinh khởi hướng đến trong các nẻo, cho nên gọi là duyên khởi. Cũng nói là duyên sinh, Sinh tức là nghĩa của Khởi. Cũng dựa theo quả mà nói, còn lại như trong luận Du Già quyển thứ 9-thứ 10-thứ 31-thứ 93, luận Duy Thức quyển thứ 8 trình bày.

Trên đây phần nhiều dựa theo các Luận này để giải thích mười

tên gọi, có thể biết. Nhưng xu thế dày đặc của Thể đều thâm nhiếp ba Quán.

Nay trở lại thâm nhiếp theo chủ ý của mười môn: Môn 1-Trình bày về nhân khởi lên nhiễm-tịnh; môn 2-Trình bày về bốn nguyên của duyên khởi; môn 3-Nhân quả thuộc về Hữu-Không; môn 4-Phối hợp với Vô tác; môn 5-Trình bày về Lý của Đế; môn 6-Lực Dụng đan xen với nhau; môn 7-Tận cùng của Khổ loại trừ về Mạn; môn 8-So sánh làm mất đi Vô thí; môn 9- Không có nguồn gốc của có-không có; môn 10- Chân Tục không có trái ngược.

Lại thu nhận mười môn không ra ngoài năm ý: Một môn đầu là mê lầm Lý thành tựu Sự; một môn tiếp là Lý-Sự nương tựa duy trì; sáu môn tiếp là thành tựu về nghĩa môn thuộc Sự; một môn tiếp là Sự-Lý cùng phai mờ; một môn cuối cùng là Sự-Lý vô ngại, bởi vì chỉ có bốn môn không ra ngoài Sự-Lý.

Nếu thuận theo Sự-Lý vô ngại đan xen với nhau, thì trải qua tiến vào trùng trùng. Nếu dựa vào Sự-Lý thuận-nghịch cùng dung thông, thì Chân môn hoàn toàn vắng lặng, bởi vì duyên khởi của pháp tánh rất sâu xa. Rất sâu xa tức là nhân duyên này gọi là quán sát về nhân của Phật tánh, Trí của duyên tức là tánh của nhân thuộc về nhân, nhân thuộc về nhân đến quả thành tựu tánh của Bồ-đề, tánh của nhân đến quả thành tựu tánh của Niết-bàn, nhân quả vô ngại là tánh của duyên khởi, chỉ có rỗng lặng mà thôi, suy nghĩ điều này!

Phân 3: Từ “Phật tử Bồ-tát...” đến “Dĩ như thị...” trở xuống là trình bày về quả thù thắng ấy, cũng trước là thâm nhiếp Chánh Tâm Trú, sau từ “Cố tri duyên sinh thử...” trở xuống là thâm nhiếp Thiệ Hộ Hạnh, bởi vì ba Không... hiện rõ trước mắt.

Dựa vào Luận nói là quả, có năm loại tướng: Một- Đạt được Hạnh đối trị thù thắng và lìa xa chướng thù thắng; Hai- Đạt được tu hành thù thắng; Ba- Đạt được Tam-muội thù thắng; Bốn- Đạt được tâm bất hoại thù thắng; Năm- Đạt được lực tự tại thù thắng. Mỗi tướng đều có chữ Phật Tử để chọn ra sai khác, chỉ riêng tướng thứ hai có hai chữ Phật Tử.

Trong mục một, phân hai: Trước là trình bày về đối trị thù thắng; sau từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là trình bày về lìa xa chướng thù thắng.

Mục trước: Tức là ba môn Giải thoát, cũng gọi là ba Tam-muội. Tam-muội thì ngay nơi Thể mà nhận lấy tên gọi, Giải thoát là dựa vào nơi khác mà nhận lấy tên gọi. Ba loại này có thể nối thống đến Niết-

bàn Giải thoát, cho nên gọi là Môn. Trong văn có hai: 1- Nhắc lại phần trước; 2- Chính thức hiển bày.

Mục 1- Ý bao gồm năm quả, do mười Quán trước đây mà đạt được quả về ba Không... này, nghĩa là dùng ba Không quán sát về duyên đạt được quả thứ nhất-thứ ba; dùng ba Bi quán sát về duyên đạt được quả thứ hai-thứ tư. Quả thứ ba hướng về Quả thứ nhất, Quả thứ nhất là chủ động đối trị, Quả thứ ba là thụ động thành tựu; Quả thứ tư hướng về Quả thứ hai, Quả thứ hai là chủ động tu tập, Quả thứ tư là kiên cố. Quả thứ năm bao gồm thuận theo hai Quán mà sinh ra, cũng có thể lần lượt chuyển tiếp mà sinh ra, bởi vì có đối trị cho nên lìa xa chướng, bởi vì lìa xa chướng cho nên Hạnh thù thắng, bởi vì có đối trị cho nên Tam-muội thù thắng, bởi vì Tam-muội thù thắng cho nên tâm bất hoại, bởi vì tâm bất hoại cho nên đạt được tự tại.

Mục 2- Từ “Tri vô ngã...” trở xuống là chính thức hiển bày về ba Không, ba Không đều có riêng biệt hiển bày và tổng quát kết luận.

Mục a- Trong môn Không, riêng biệt hiển bày có ba: Một- Ba câu trình bày về Chúng sinh Không. Hai- Tự tánh Không là trình bày về Pháp Không. Hai câu trên đây là trình bày về Thể Không của hai Ngã. Ba- Vô tác và Vô thọ, hiển bày về Không thuộc tác dụng của hai Ngã, bởi vì Thể Không, cho nên cả hai không thể nào gây ra nhân-nhận lấy quả.

Kết luận nói là hiện rõ trước mắt, bởi vì Trí phù hợp với cảnh.

Mục b- Trong môn Vô tướng cũng có ba: Một- Diệt chướng tức là quán sát về các chi Hữu, đều là diệt thuộc về tự tánh, nghĩa là nếu tiến vào môn Không thì không đạt được Không, cũng không giữ lấy tướng Không, thì việc làm đã thành tựu. Nếu thấy pháp trước kia có về sau nói là Không, và giữ lấy tướng Không, thì không phải nhận biết chân thật về Không, cho nên gọi là chướng. Vì vậy tu về Vô tướng, hiểu rõ diệt thuộc về tự tánh, thì không giữ lấy chướng ngại của Không. Hai- Sở dĩ không giữ lấy, là bởi vì có được đối trị, nghĩa là nhận biết về Không lại cũng là Không, gọi là giải thoát hoàn toàn. Ba- Đã có chủ động đối trị để đối trị với thụ động đối trị, thì niệm tướng không hiện hành, cho nên nói là không có tướng sinh khởi của một pháp nào, chủ động-thụ động này vắng lặng thì Vô tướng hiện rõ trước mắt.

Mục c- Môn Vô nguyện cũng có ba loại tướng: Một- Nương tựa, nghĩa là dựa vào Không-Vô tướng tiến vào trước đây mới đạt được Vô nguyện. Hai- Thể tức là không có gì nguyện cầu, bởi vì không mong cầu ba cõi... Ba-Thù thắng tức là Đại Bi hóa độ chúng sinh hơn hẳn Nhị

thừa.

Lại ba Không trên đây nối thông duyên với Thật tướng của các pháp, bởi vì quán sát thế gian tức là tướng của Niết-bàn, cho nên cũng không giống với Nhị thừa. Phần còn lại như trong Trí Luận quyển thứ 22 trình bày.

Trong mục sau là trình bày về lìa xa chướng thù thắng:

Mục 1- Nhắc lại pháp tu tập trước đây, do tu tập mà được lìa xa: Đầu lìa xa ba Tướng là do môn Không mà lìa xa; tiếp lìa xa Tướng có-không có là do môn Vô tướng mà lìa xa, cũng do môn Vô nguyện mà lìa xa, bởi vì không thấy có gì đáng mong cầu.

Mục 2- Chính thức hiển bày. Đã nhận biết lìa xa chướng, thế nào là thù thắng? Trong kinh có ba câu theo thứ tự thù thắng của Địa thứ năm-Địa thứ tư, và phương tiện của Địa thứ sáu này, nghĩa là: Câu một- Ở trong Địa thứ năm, dùng mười tâm bình đẳng rất thanh tịnh, xa lìa Ngã mạn về thân thanh tịnh của Địa thứ tư, Địa này dùng Không sâu xa để diệt trừ lìa bỏ hai Ngã, cho nên Địa này là thù thắng. Câu hai- Trong Địa thứ tư, dùng Đạo phẩm để đối trị Mạn về Chánh thọ ẩn-hiện... trong Địa thứ ba, Địa này dùng quán sát về Không để lìa xa tạo tác-thọ nhận, cho nên Địa này là thù thắng. Câu ba- Phương tiện của Địa này, chỉ dùng mười tâm bình đẳng để phá trừ mà hiển bày về có-không có, nay Địa này đầy đủ, dùng Vô tướng sâu xa để phá trừ về có-không có, tất cả đều trừ sạch, cho nên Địa này là thù thắng.

Mục hai- Từ “Đại Bi chuyển tăng...” trở xuống là trong tu hành thù thắng, có hai:

Mục trước là tổng quát trình bày tăng thêm tu tập về tâm Bi, bởi vì tu tập trong tâm thì tâm Lợi tha chưa đầy đủ; từ “Bồ-đề...” trở xuống là bao gồm Tự lợi, cũng tu tập về những việc làm. Nói tăng thêm Bi, là trước đây quán sát về mười bình đẳng đã khởi lên ba Bi, nay thuận theo quán sát về mười môn, càng thương xót chúng sinh ràng buộc vào pháp hư vọng.

Mục sau từ “Tác thị niệm...” trở xuống là riêng biệt hiển bày, trong đó có hai: 1- Trình bày về tu hành; 2- Từ “Nhi hăng...” trở xuống là trình bày về tu hành thù thắng.

Mục 1- Trình bày về tu hành, lại có hai: a- Phát tâm dũng mãnh tu hành, nghĩa là thúc đẩy chí hướng bởi vì bắt đầu tu tập; b- Từ “Phật tử...” trở xuống là trình bày về chí hướng tu hành của Trượng phu, bởi vì quả quyết cuối cùng thành tựu. Lại đầu là Bi-Trí hăng hái tu tập, sau là tận cùng chứng được tánh-tướng.

Trong mục a: Một là Trí, hai là Bi.

Trong tiết một là Trí: Trước là nhận biết, sau là chán ngán.

Trong tiết trước là nhận biết: Hai câu trước trình bày về duyên có hợp lại-tách ra, nghĩa là nghiệp-phiền não giúp đỡ cho nhau thì hữu vi mới sinh ra, như Vô minh duyên Hành... Hai câu sau trình bày về duyên có đầy đủ-thiếu hụt, Tập tức là đầy đủ, nghĩa là nghiệp-phiền não tùy theo thiếu hụt chắc chắn không chuyển sinh, như tuy có Hành mà không có Ái tươi thắm...

Tiết sau từ “Ngã như thị...” trở xuống là chán ngán, đã nhận biết về lỗi của Khổ do hữu vi, thì nhất định phải đoạn trừ nhân của Tập do hòa hợp; từ “Nhiên vi...” trở xuống là tu tập về Bi làm lợi ích cho chúng sinh mà không tận cùng hữu vi.

Trong mục b là chí hướng tu hành của Trượng phu: Một-Tướng chán ngán, bởi vì thấy pháp hữu vi ấy nhiều lỗi, là pháp đối đãi chướng ngại cho nên chán ngán; hai-Từ “Vô hữu...” trở xuống là chứng được tánh do hiểu rõ tự tánh của hữu vi, cùng là tướng vốn không có sinh diệt, thì có thể diệt trừ đối đãi chướng ngại mà phù hợp với Lý.

Mục 2, là tu hành thù thắng, nghĩa là bởi vì không trú vào tướng thù thắng hiện rõ trước mắt, có ba loại thù thắng: Một- Hai câu đầu trình bày về nhân thù thắng của Bát-nhã, là bởi vì không trú vào, cho nên tiếp theo Đại Trí trước đây mà khởi Bi. Hai- Từ “Tức đắc...” trở xuống là Thể thù thắng của Bát-nhã hiện rõ, Bát-nhã là tên gọi chung, Trí không có chướng ngại là tên gọi riêng, Trí Phật vô ngại tuy chưa thành tựu, mà nay Bát-nhã có thể soi chiếu Trí này, tướng trước của Trí này gọi là ánh sáng, ánh sáng tức là Môn. Ba- Từ “Thành tựu như thị...” trở xuống là trình bày về Dụng thù thắng của Bát-nhã, cũng là tướng không trú vào. Nghĩa là hai câu trước trải qua Sự không thay đổi Lý, cho nên không trú vào Hữu vi; hai câu sau là thấy rõ Lý không làm hỏng Sự, cho nên không trú vào Vô vi, tức là Hữu vi và Niết-bàn bình đẳng mà chứng. Từ “Dĩ Bồ-đề...” trở xuống là không trú vào những việc làm, bởi vì Trí tuệ của Trạo đạo chưa đầy đủ, cho nên không trú vào Hữu vi; bởi vì công đức của Trạo đạo chưa đầy đủ, cho nên không trú vào Vô vi. Vả lại, bởi vì cả hai chưa đầy đủ, cho nên cả hai không trú vào. Nói rộng như kinh Tịnh Danh quyển Hạ. Trong kinh Đại Phẩm cũng nói: “Bồ-tát nghĩ rằng: Nay là lúc thực hành, không phải là lúc chứng đắc.” Ngay nơi những việc làm này cũng là nguyên cơ.

Trong mục ba: Là trình bày về Tam-muội thù thắng, có hai: Trước là trình bày về Định thuộc Không; sau từ “Như thị thập vô tướng...” trở

xuống là ví dụ hiển bày hai loại còn lại.

Trong mục trước lại có hai: 1- Nêu ra mười loại đứng đầu; 2- Từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là tổng quát kết luận về nhiều môn.

Mục 1- Trong mười loại, Luận phân làm bốn: a- Năm loại trước gọi là Quán, trừ ra loại thứ tư; b- Dùng loại thứ tư gọi là không phóng dật; c- Dùng loại thứ bảy gọi là đạt được tăng thượng; d- Dùng ba loại còn lại gọi là dựa vào sự việc.

Mục a: Quán là quán sát hiểu rõ. Ba loại trước là dựa theo Tướng quán sát về Không: 1- Tiến vào Không là Nhân Không, cũng là câu tổng quát; 2- Tức là Pháp Không; 3- Tức là chọn lấy hai Không trước đây làm Đệ nhất nghĩa, quán sát ấy cũng Không. Hai loại sau là dựa vào Thật quán sát về Không, nghĩa là: 4- Quán sát Bốn thức là Không, Như Lai Tạng bao hàm không có gì ở ngoài, cho nên nói là Đại Không; 5- Quán sát về bảy Chuyển thức, không lìa xa Như Lai Tạng hòa hợp mà khởi, đều không có Tự Thể, cho nên nói là Hợp Không. Kinh Lăng Già nói: “Bảy Thức cũng là như vậy, tâm cùng hòa hợp sinh ra.” Lại nói: “Không làm hồng tướng có tám, Vô tướng cũng là Vô tướng.”

Mục b: Không phóng dật, dựa vào hiểu biết (Giải) phát khởi thực hành (Hạnh), thực hành tu tập đến cuối cùng, cho nên gọi là Đệ nhất. Luận nói: Phân biệt khéo léo tu hành, vốn là Đệ nhất thuộc Tự phần; tu hành không có gì thỏa mãn, vốn là Đệ nhất thuộc Thắng tiến.

Mục c: Đạt được tăng thượng, nhờ vào tu tập mà thành tựu về đức, cho nên công đức phát khởi.

Mục d: Dựa vào sự việc, là bởi vì dựa vào Đức mà khởi Dụng, có ba loại Dụng: Một loại đầu thuộc về Tự lợi, gọi là làm thanh tịnh Trí chướng dựa vào sự việc, nói về phân biệt là Trí chướng, nay đạt được Không như thật, có thể làm thanh tịnh phân biệt. Hai loại sau là Lợi tha: 1- Giáo hóa chúng sinh dựa vào sự việc, dựa vào Không mà khởi Bi, cho nên không rời bỏ; 2- Nguyên chọn lấy quả báo (Hữu) dựa vào sự việc, do đạt được Không cho nên lìa xa nhiễm, tùy thuận với quả báo cho nên không lìa xa các cõi.

Trên đây dựa vào Luận để giải thích đã là sâu xa vi diệu. Lại mười Không này cùng với mười một Không trong kinh Niết Bàn giống nhau trên đại thể, chỉ khác nhau ở chi tiết.

Lại dựa vào giải thích, tám loại trước là chứng về Thật Không, hai loại sau là khởi lên Dụng Không.

1- Nhập Không tức là Nội Không-Ngoại Không ấy, vốn là mười hai Nhập thuộc về Nội-Ngoại.

2- Tự tánh tức là Tánh Không, bởi vì không phải nay mới bắt đầu không có.

3- Đệ nhất nghĩa Không thì danh-nghĩa hoàn toàn giống nhau.

4- Đệ nhất Không, thì kinh ấy gọi là Không Không, nghĩa là Không trước chỉ là Không thuộc về Đệ nhất nghĩa, nay trình bày như có-như không có, xưa nay vốn tự nhiên Không. Kinh ấy nói: “Là có- là không có, đó gọi là Không Không; là đúng-không phải là đúng, đó gọi là Không Không. Nghĩa là đúng-sai cũng ngay nơi Thể vốn Không, như vậy Không Không, chính là nơi mê đắm của Nhị thừa, Bồ-tát Thập Địa thông đạt phần ít, cho nên gọi là Đệ nhất.” Nay cũng dựa theo phần ít.

5- Đại Không thì tên gọi giống nhau, kinh ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

6- Hợp tức là Nội-Ngoại Không.

7- Hợp-Vô hợp mà khởi lên, tức là Hữu vi Không.

8- Tức là Vô vi Không, bởi vì Như Thật tức là Vô vi.

Hai loại như Bất xả... thì danh-nghĩa đều khác nhau. Nếu muốn hiểu rõ thì:

9- Tức là Vô tử Không, bởi vì vô tử không lìa xa sinh tử mà chính là Không.

10- Tức là Vô sở hữu Không, nghĩa là lìa xa và không lìa xa đều vốn không hề có gì.

Phần còn lại và kết luận..., có thể biết.

Mục bốn- Quả của tâm bất hoại thù thắng: Hai đoạn dưới đây, cũng tức là thâm nhiếp Tùy Thuận Kiên Cố Nhất Thiết Thiện Căn Hội Hưởng. Đoạn này là tiến thêm pháp thiện, đoạn sau là phát khởi Đại Hạnh.

Nay nói về tiến thêm pháp thiện. Tâm bất hoại, là do diệt trừ chướng mà thành tựu Hạnh, như Trí-như Bi đều không lui sụt hủy hoại. Văn có mười câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Riêng biệt có chín loại Bất hoại: 1- Tin vào Lý quyết định; 2- Hạnh có thể điều nhu; 3- Không sợ pháp rất sâu xa; 4- Thừa của mình không lui sụt; 5- Thắng tiến không nghỉ; 6- Phai mờ Tự-Tha; 7- Lợi sinh vô biên; 8- Trên mong cầu Trí của Địa; 9- Khéo léo hóa độ chúng sinh. Cũng có thể hướng về mười tâm Tam-muội trước đây để trình bày về Bất hoại, sợ rằng chán ngán vì văn nhiều. Chín loại cùng kiên cố đều nói là Bất hoại, mười loại đều đầy đủ gọi là tất cả viên mãn.

Trong mục năm: Lực tự tại thù thắng, có hai: Trước là hiển bày về tướng; sau từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận về phạm vi giới hạn.

Trong mục trước có mười câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại từ “Bất cụ...” trở xuống là riêng biệt.

Tổng quát nói: Tâm này, là mười tâm trước đây thuận theo Bồ-đề của Phật, cho nên có năng lực hướng về tiến sâu vào. Luận nói: Đạt được lực thù thắng của Hạnh Bát-nhã Ba-la-mật, cho nên có thể tiến sâu vào, thì biết mười tâm trước đây đều là tâm Bát-nhã hiện tiền.

Trong riêng biệt có chín câu, dựa vào mười tâm Bất hoại trên đây mà có thể tự tại hướng đến: 1- Không sợ hãi Di luận, tức là lực có thể làm cho người khác phải khuất phục. 2- Hướng lên trên tiến vào Địa Trí, gọi là lực đoạn trừ nghi ngờ, bởi vì đạt được Pháp Không. 3- Lực không thay đổi Thừa của mình, bởi vì lìa xa Tiểu thừa. 4- Lực quyết định tin vào nơi chốn bí mật, bởi vì hướng về gương soi của Trí. 5- Lực bất hoại đối với các Ma, bởi vì tinh tiến. 6- Lực kiên cố đối trị phiền não, bởi vì trú trong Trí sáng ngời. 7- Lực đối trị khắp nơi, bởi vì đầy đủ ba Không, ở nơi Hữu mà không nhiễm ô. 8- Lực hóa độ chúng sinh, tức là tương ứng với phương tiện thứ chín trước đây. 9- Lực làm thanh tịnh Trí chướng, tức là trên mong cầu Trí của Địa trước đây. Trí trước ở giữa mà dẫn dắt hai Bi, Trí này ở sau là hiển bày về Bi-Trí khác nhau.

Trong mục sau là kết luận về phạm vi giới hạn, bởi vì Bát-nhã hiện rõ trước mắt, cho nên Thuận Nhẫn sáng tỏ nhanh nhạy. Nói thứ ba, là bởi vì cao nhất trong ba phẩm của Nhẫn.

Trong phần sau là Quả của Địa, có ba quả giống như Địa trước.

Ngay trong quả Điều Nhu, phân bốn: Một- Hạnh Điều Nhu; Hai- Trí thanh tịnh thuộc Giáo; Ba- Hành tướng riêng biệt của Địa; Bốn- Kết thúc nói về tên gọi của Địa.

Trong phần một có Pháp-Dụ và Hợp.

Trong Pháp có ba: 1- Duyên luyện tập của Hạnh. 2- Từ “Tất dĩ...” trở xuống là Hạnh chủ động luyện tập, trong đó: Từ “Văn dĩ thọ trì...” trở xuống là đạt được Nghĩa Trì. Ánh sáng thuộc Tuệ của Tam-muội là Nghĩa đã thọ trì. Tùy thuận tu hành, câu này nêu ra nhân của hiện tại đạt được Nghĩa Trì. Nhân là sự việc gì? Nghĩa là nhân dựa vào Tam-muội thù thắng trước đây, mà đạt được Xa-ma-tha như thật..., ghi nhớ duy trì không rời bỏ, chính là hiển bày về pháp có thể duy trì. Từ “Hựu đắc dĩ...” trở xuống cũng là pháp đã duy trì. 3- Từ “Kinh ư...” trở xuống là trình bày về đã luyện tập thanh tịnh. Càng thêm sáng ngời, là bởi vì loại bỏ chướng ngại ấy. Lại nhờ vào Chứng trước đây mà đạt được Tạng Nghĩa thuộc pháp của chư Phật.

Trong Dụ: Vàng ròng dụ cho Chứng, cũng dụ cho Tín...; Lưu ly dụ

cho Trí phương tiện. Nhờ vào Trí phương tiện thường xuyên mài giũa, khiến cho Chứng Trí xuất thế gian, phát ra ánh sáng của Trí thuộc Giáo thù thắng hơn trước.

Trong Hợp: Tuệ phương tiện tức là không trú vào đạo nói trên, hợp với Lưu ly trước đây; theo đuổi quán sát, hợp với thường xuyên mài giũa sáng ngời. Càng thêm sáng ngời, là bởi vì Bát-nhã hiện rõ trước mắt. Càng thêm vắng lặng, là bởi vì Chứng Trí loại bỏ chướng ngại ấy.

Phần hai: Từ “Thí như nguyệt...” trở xuống là trình bày về Trí thanh tịnh thuộc Giáo, bởi vì ánh sáng của vầng trăng rộng lớn hơn hẳn Địa trước, chỉ chọn lấy vầng trăng làm Dụ.

Bốn loại Phong luân, ở phẩm Xuất Hiện có bốn loại Phong luân như chủ động duy trì..., mà không phải là bốn Luân này, bởi vì bốn loại ấy không phải là Phong luân thuộc về Hoại-Tán, Phong luân có Hoại-Tán lại không có bốn loại, chưa xem kỹ trong Kinh-Luận cho nên không thể quyết định.

Tạm thời dựa vào nghĩa để giải thích, tức là gió của bốn mùa: Mùa Xuân gọi là Hòa phong, dụ cho Ma phiền não, bởi vì thuận theo tâm Ái; mùa Hạ gọi là Viêm phong, dụ cho Ma uẩn, bởi vì nhiều bức bách phiền muộn; mùa Thu gọi là Lương phong, cũng gọi là Kim phong, dụ cho Ma chết, bởi vì quả chín muối thì thu hoạch mà lụi tàn; mùa Đông gọi là Hàn phong, dụ cho Ma trời, bởi vì làm hỏng kho tàng thiện pháp của người. Thực hành theo hành của bốn Ma, tức là Ma đạo. Văn còn lại có thể biết.

Trong quả Nhiếp Báo nói: Thanh văn chất vấn vặn hỏi không có năng lực làm cho khuất phục, là bởi vì đã biết Nhị thừa duyên với Đế...

Phần ba: Phần trùng tụng, có hai mươi hai kệ phân ba: Mười bảy kệ đầu, tụng về phần Hạnh của phần vị; bốn kệ tiếp, tụng về phần Quả của phần vị; một kệ sau là kết thúc thuyết giảng.

Trong mười bảy kệ đầu, có ba mục: Một- Có hai kệ một câu, tụng về phần đối trị Mạn thuộc thù thắng; Hai- Có mười kệ ba câu, tụng về phần Hạnh thù thắng không trú vào đạo; Ba- Có bốn kệ, tụng về phần Quả thù thắng của Địa.

Trong mục hai là mười kệ ba câu, có ba tiết: Đầu là một câu, tụng phần tổng quát hiển bày về Tâm-Cảnh. Tiếp là chín kệ một câu, tụng phần riêng biệt trình bày về tướng của Quán, tức là mười đoạn:

1- Có hai kệ rưỡi, tụng về phần nêu ra các chi Hữu.

2- Có một kệ, tụng về môn thâm nhiếp quy về một tâm. Đã nói

tâm diệt thì sinh tử không còn, cho nên biết không thể chỉ dựa theo Chân tâm, bởi vì Chân-Vọng hòa hợp là nói về dựa vào tâm, ngay nơi Chân thì Vọng đã diệt, ngay nơi Vọng thì Chân không thể không có, luận Khởi Tín nói: “Chỉ diệt Tướng của tâm chứ không phải là diệt Thể của tâm.”

3- Có một kệ, tụng về môn sai biệt thuộc nghiệp của chính mình (Tự nghiệp).

4- Có nửa kệ, tụng về môn không rời bỏ lẫn nhau.

5- Có nửa kệ, tụng về môn ba đường không gián đoạn.

6- Có một kệ, vượt lên tụng về môn thứ bảy là ba Khổ tụ tập.

7- Có một kệ, lùi lại tụng về môn thứ sáu là ba đời xoay tròn không dứt.

8- Có nửa kệ, vượt lên tụng về môn thứ chín là sinh diệt ràng buộc.

9- Có nửa kệ, lùi lại tụng về môn thứ tám là nhân duyên sinh diệt.

10- Có ba câu, tụng về môn quán sát không có gì tận cùng.

Sau từ “Thập chủng...” trở xuống có năm câu, tụng về phần tổng

quát kết luận về mười tên gọi.

Trong mục ba từ “Như thị...” trở xuống là tụng về phần Quả thù thắng của Địa: Hai kệ đầu, tụng về phần đối trị thù thắng; một kệ tiếp, tụng về phần tu hành thù thắng; nửa kệ tiếp, tụng về phần Tam-muội thù thắng; nửa kệ cuối, bao gồm tụng về hai loại thù thắng còn lại, bởi vì nghĩa nối thông.

Phần Quả của phần vị-phần kết thúc thuyết giảng..., có thể biết.

